

Bản án số: 1363/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí.

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 799/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 422/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 407/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1975; địa chỉ: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm: 1975; địa chỉ: Đường D, Phường E, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn D cùng tự nguyện tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 47, quyển số: 01.96 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 1996.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do ông D ngày nào cũng uống rượu, chửi bới, đánh đập vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù vẫn còn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân, quan hệ vợ chồng đã chấm dứt vào năm 2014. Bà xác định hiện nay không còn tình cảm với ông D nữa. Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Về con chung: Bà H xác nhận cả hai có 03 con chung tên là Trần Văn H, sinh năm: 1997 (Đã thành niên), Trần Văn D1, sinh năm: 2003 (Đã thành niên) và Trần Minh K, sinh ngày: 17/12/2013. Khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Minh K, sinh ngày: 17/12/2013 và không yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Các con chung tên là Trần Văn H và Trần Văn D1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Lê Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là ông Trần Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tự khai, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng; bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Văn D; về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Minh K, sinh ngày: 17/12/2013 cho bà Lê Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Các con chung tên là Trần Văn H, sinh năm: 1997 và Trần Văn D1, sinh năm: 2003 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét; về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số: 01.96 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 1996 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thu H và ông Trần Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thu H thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, bị đơn là ông Trần Văn D thực tế cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ bị đơn ông Trần Văn D đến Toà để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa xét xử vụ án (ngày 31/8/2023 và ngày 27/9/2023) nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Lê Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Thu Hường và ông Trần Văn D tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 5 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân giữa Lê Thị Thu H và ông Trần Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do đó bà H yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên hiện nay bà H và ông D mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ năm 2014 đến nay, không ăn uống, sinh hoạt chung. Bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông D. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Văn D đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do, cũng như không nộp

cho Tòa án ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu khởi của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, ông D đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ bà Lê Thị Thu H xuất trình để xác định ông D hoàn toàn không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà H và cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thu H là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh và lời khai của bà Lê Thị Thu H xác định được: Cả hai có 03 con chung tên là Trần Văn H, sinh năm: 1997 (Đã thành niên), Trần Văn D1, sinh năm: 2003 (Đã thành niên) và Trần Minh K, sinh ngày: 17/12/2013. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Minh K, sinh ngày: 17/12/2013 cho đến khi trẻ Minh K đủ 18 tuổi. Theo lời khai của bà H, thì bà là trụ cột kinh tế chính trong gia đình, các con từ nhỏ đến giờ đều do một mình bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, trẻ Minh K đang trong giai đoạn cần được người mẹ chăm sóc. Nhằm tạo điều kiện cho trẻ được ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như trong cuộc sống và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Trần Minh K, sinh ngày: 17/12/2013 cho bà Lê Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các con chung tên là Trần Văn H, sinh năm: 1997 và Trần Văn D1, sinh năm: 2003 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Lê Thị Thu H không yêu cầu ông Trần Văn D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên là Trần Minh K, sinh ngày: 17/12/2013 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thu H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Thu H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bà Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Văn D.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 47, quyền số: 01.96 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 1996 hết hiệu lực).

- Về con chung: Bà Lê Thị Thu H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Trần Minh K, sinh ngày: 17/12/2013 cho đến khi trẻ Minh K đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn D không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lê Thị Thu H không yêu cầu. Các con chung tên là Trần Văn H, sinh năm: 1997 và Trần Văn D1, sinh năm: 2003 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực

tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Thu H khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Thu H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Lê Thị Thu H phải chịu, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0011884 ngày 26/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị Thu H và ông Trần Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuyết Mai